

PHỤ LỤC XXV

MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

BẢN NIÊN, NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
THÀNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/2026/BC-TCAM

Tp.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công
(6 tháng năm 2026)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ

a) Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công (TCGF) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ Mở theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 130/GNC-UBCK ngày 04 tháng 10 năm 2024 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ: Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công tìm kiếm lợi nhuận dài hạn, tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư bằng việc phân bổ tài sản vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng cao trong tương lai.

c) Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công với thời hạn hoạt động là không xác định.

d) Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công sử dụng chỉ số VN-Index là chỉ số tham chiếu để đánh giá mức độ hiệu quả của chiến lược đầu tư.

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm ngày (15 ngày) trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức bảo đảm để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của pháp luật. Việc chi trả lợi tức của Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ vào báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

f) Số lượng đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đang lưu hành:

Vốn điều lệ của Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng là 50.333.700.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ đã phát hành 5.033.370 đơn vị chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng trên một đơn vị Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.

Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và mua lại Chứng chỉ quỹ với mệnh

giá là 10.000 đồng trên một đơn vị Quỹ. Giá bán một đơn vị quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi phí mua lại (nếu có).

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2026, Quỹ phát hành thêm 4.699.100,08 đơn vị và mua lại 5.041.218,54 đơn vị. Tại thời điểm 30/06/2026, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công có quy mô vốn 53.152.338.900 đồng theo mệnh giá; tương ứng số lượng 5.315.233,89 đơn vị Quỹ đang lưu hành, giảm 342.118,46 đơn vị so với số lượng đầu năm (5.657.352,35 đơn vị Quỹ tại ngày 31/12/2025).

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ/Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán trong kỳ báo cáo (nếu có):

Ngày 29/04/2026, Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công đã thông qua việc sửa đổi điều lệ lần 3, chi tiết tại Phụ lục A đính kèm.

h) Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên vào ngày 29/04/2026 dưới hình thức trực tuyến. Tại Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2026, Đại hội đã thông qua các nội dung sau:

h.1) Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Quỹ TCGF;

h.2) Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của Quỹ TCGF;

h.3) Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Quỹ TCGF;

h.4) Thông qua việc chi trả thù lao và chi phí cho Ban Đại diện Quỹ năm 2025 và Dự toán thù lao và chi phí cho Ban Đại diện Quỹ năm 2026;

h.5) Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của TCGF;

h.6) Thông qua việc lựa chọn tổ chức báo giá cho Quỹ TCGF;

h.7) Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ lần 3 của Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thành Công.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán):

(đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025	30/06/2026
Cổ phiếu	-	53.942.250.000	58.399.531.100
Vận tải kho bãi	-	3.230.000.000	-
Công nghiệp	-	10.617.150.000	10.574.000.000
Nông lâm thủy sản	-	1.190.000.000	-
Bất động sản	-	5.145.650.000	5.517.000.000
Tài chính ngân hàng	-	21.650.050.000	37.505.531.100
Thông tin, truyền thông đa phương tiện	-	2.364.000.000	-
Thương mại, dịch vụ	-	6.923.000.000	4.803.000.000
Xây dựng	-	2.822.400.000	-
Trái phiếu	-	-	-
Tổng cộng	-	53.942.250.000	58.399.531.100

(Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công hoạt động chính thức từ ngày 04/10/2024 không có số dư tại kỳ 30/06/2024).

- Giá trị tài sản ròng của quỹ;

(đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025	30/06/2026
Giá trị tài sản ròng	-	56.735.099.643	62.216.452.237

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành;

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025	30/06/2026
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (đồng/CCQ)	-	10.656,68	11.705,31
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	-	5.323.902,05	5.315.233,89

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/ thấp nhất trong năm như sau:

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025	30/06/2026
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất (đồng/CCQ)	-	10.656,68	12.742,98
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất (đồng/CCQ)	-	9.147,51	10.908,64

(Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công hoạt động chính thức từ ngày 04/10/2024 không có số dư tại kỳ 30/06/2024)

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập); Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận:

(đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025	30/06/2026
Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	-	1.989.240.429	(2.483.861.932)
Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (giá trị thu nhập)	-	907.097.339	607.410.484
Tổng lợi nhuận của quỹ	-	2.896.337.768	(1.876.451.448)
Lợi nhuận đã phân phối	-	-	-
Lợi nhuận còn lại	-	3.428.594.569	8.923.813.006
Thời điểm phân chia lợi nhuận	-	-	-
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (NAV/CCQ) trước thời điểm phân chia lợi nhuận (đồng/CCQ)	-	10.656,68	11.705,31
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (NAV/CCQ) sau thời điểm phân chia lợi nhuận (đồng/CCQ)	-	10.656,68	11.705,31

(Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công hoạt động chính thức từ ngày 04/10/2024 không có số dư tại kỳ 30/06/2024)

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025	30/06/2026
Tỷ lệ chi phí/ Giá trị tài sản ròng trung bình (%)	-	2,97%	2,98%

Thuyết minh về việc chênh lệch: Tỷ lệ chi phí hoạt động kỳ 6 tháng năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm 2025 do năm 2026 tỷ lệ chi phí quản lý quỹ tăng từ 1% lên 1,5%.

(Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công hoạt động chính thức từ ngày 04/10/2024 không có số dư tại kỳ 30/06/2024)

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

Chỉ tiêu	30/06/2024	30/06/2025	30/06/2026
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%)	-	184,89%	136,40%

Thuyết minh về việc chênh lệch: Tốc độ vòng quay danh mục trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm so với cùng kỳ năm 2025, phản ánh định hướng quản lý danh mục theo hướng chọn lọc hơn, hạn chế các giao dịch không cần thiết và tập trung cơ cấu danh mục phù hợp với triển vọng từng ngành, đồng thời tận dụng các cơ hội đầu tư phù hợp trên thị trường.

(Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công hoạt động chính thức từ ngày 04/10/2024 không có số dư tại kỳ 30/06/2024)

- Thông tin về các khoản vay nợ của quỹ: Không phát sinh.

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:

(i) Trong thời hạn 36 tháng (03 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tới ngày báo cáo nếu quỹ/công ty đầu tư chứng khoán hoạt động dưới 3 năm);

- Thời điểm lập quỹ TCGF tại ngày 04/10/2024, tính đến thời điểm lập báo cáo 30/06/2026, TCGF đã hoạt động được 635 ngày (dưới 3 năm).

- Tổng lợi nhuận bình quân ngày tính từ ngày thành lập Quỹ đến ngày báo cáo đạt 14.053.249 đồng.

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Công ty TNHH quản lý quỹ Thành Công khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công (TCGF) trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về Công ty quản lý quỹ (nếu có):

Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công ("TCAM"), TCAM được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GP-UBCK ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 04 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 05 năm 2026.

Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp lực (Giấy phép thành lập và hoạt động số 35/GP-UBCK ngày 13 tháng 5 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện

quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

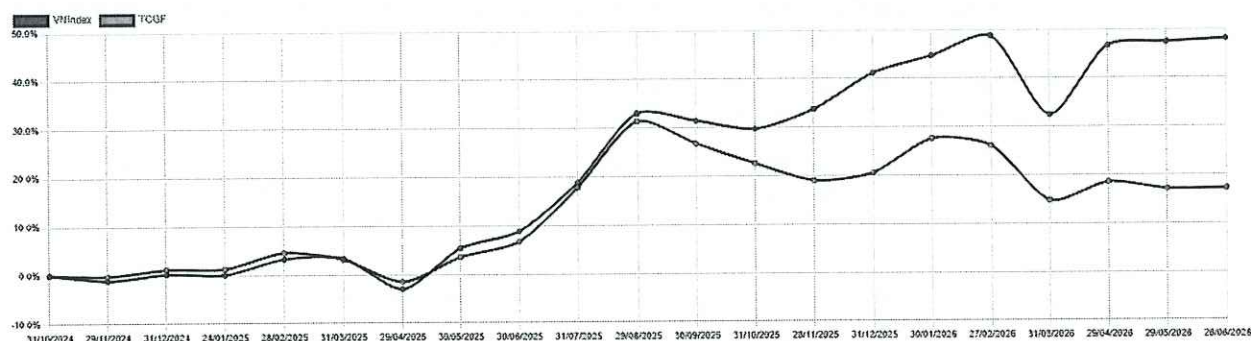
b) Thuyết minh về việc quỹ/công ty đầu tư chứng khoán có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán);

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): So sánh lợi nhuận của Quỹ với VN-Index để đánh giá mức độ hiệu quả của chiến lược đầu tư:

Theo Bản cáo bạch, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công (TCGF) sử dụng VN-Index làm chỉ số tham chiếu để đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư.

Tính từ ngày thành lập Quỹ (04/10/2024) đến ngày 30/06/2026, VN-Index tăng 46,39% trong khi giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (NAV/CCQ) của TCGF tăng 17,05%.

Kết quả này được trình bày tại biểu đồ dưới đây nhằm so sánh diễn biến lợi nhuận của Quỹ với chỉ số tham chiếu trong cùng kỳ.



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 04/10/2024. Tính đến ngày 30/06/2026, thời gian hoạt động của Quỹ chưa đủ 05 năm, do đó chưa có cơ sở để thực hiện việc so sánh kết quả hoạt động của Quỹ với chỉ số tham chiếu trong giai đoạn 05 năm gần nhất theo yêu cầu của mẫu báo cáo.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công (TCGF) tiếp tục triển khai chiến lược đầu tư chủ động phù hợp với mục tiêu đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, tập trung lựa chọn các doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh, vị thế cạnh tranh tốt, triển vọng tăng trưởng dài hạn và định giá hợp lý.

Trong kỳ, Công ty Quản lý quỹ chủ động rà soát, cơ cấu danh mục đầu tư theo diễn biến của thị trường và triển vọng từng ngành nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và kiểm soát rủi ro. Việc điều chỉnh danh mục tập trung vào nâng cao chất lượng tài sản, tăng tỷ trọng đối với các nhóm ngành có triển vọng tích cực và giảm tỷ trọng tại các khoản đầu tư không còn phù hợp với chiến lược của Quỹ.

Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ đạt 136,40% phản ánh việc Quỹ thực hiện cơ cấu danh mục ở mức hợp lý nhằm thích ứng với diễn biến thị trường và tận dụng các cơ hội đầu tư phát sinh trong kỳ.

Trong kỳ báo cáo, không có sự thay đổi về mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư và chính sách phân bổ tài sản so với nội dung đã công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ. Hoạt động đầu tư được thực hiện phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các quy định của pháp luật hiện hành.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán năm liền kề năm báo cáo:

Tại ngày 30/06/2026, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có một số thay đổi so với thời điểm 31/12/2025 nhằm phù hợp với diễn biến của thị trường và định hướng đầu tư đã được Công ty Quản lý quỹ xây dựng.

Trong kỳ, Quỹ tiếp tục tập trung tỷ trọng đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững mạnh, thanh khoản tốt và triển vọng tăng trưởng dài hạn, đồng thời chủ động giảm tỷ trọng hoặc thoái vốn đối với một số khoản đầu tư không còn phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

Danh mục đầu tư vẫn duy trì trọng tâm vào cổ phiếu niêm yết, trong đó nhóm tài chính - ngân hàng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục. Bên cạnh đó, Quỹ thực hiện điều chỉnh tỷ trọng tại một số ngành như công nghiệp, bất động sản, thương mại - dịch vụ và duy trì một phần tài sản dưới hình thức tiền gửi và công cụ tiền tệ nhằm bảo đảm tính thanh khoản và sẵn sàng giải ngân khi xuất hiện cơ hội đầu tư phù hợp.

Các thay đổi về cơ cấu danh mục được thực hiện trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các giới hạn đầu tư theo quy định của pháp luật; đồng thời không làm thay đổi mục tiêu đầu tư và chiến lược đầu tư của Quỹ.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo gần nhất:

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận, do đó giá trị NAV/CCQ được sử dụng để so sánh không phải điều chỉnh yếu tố phân phối lợi nhuận.

Tại ngày 30/06/2026, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (NAV/CCQ) đạt 11.705,31 đồng, tăng 9,84% so với mức 10.656,68 đồng tại ngày 30/06/2025. Trong kỳ báo cáo, mặc dù kết quả đầu tư chịu ảnh hưởng bởi biến động của thị trường, NAV/CCQ tại cuối kỳ vẫn duy trì ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Tính từ ngày 30/06/2025 đến ngày 30/06/2026, VN-Index tăng 35,17%. Trong cùng giai đoạn, NAV/CCQ của Quỹ tăng 9,84%, thấp hơn mức tăng của chỉ số tham chiếu VN-Index.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap):

h.1. Tổng quan về biến động thị trường tài chính trong kỳ báo cáo

Tình hình thị trường tài chính 6 tháng đầu năm 2026:

- Thị trường chứng khoán Việt Nam

Trong 06 tháng đầu năm 2026, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng tích cực trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng GDP duy trì ở mức cao, lạm phát được kiểm soát và chính sách tiền tệ tiếp tục được điều hành theo hướng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Mặc dù thị trường có những nhịp điều chỉnh ngắn hạn do hoạt động chốt lời và ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài, dòng tiền trong nước vẫn đóng vai trò là động lực chính hỗ trợ thị trường.

Tính đến ngày 30/06/2026, VN-Index đạt 1.860,01 điểm, tăng 4,23% so với cuối năm 2025. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức khá, hoạt động huy động vốn trên thị trường chứng khoán tiếp tục tăng trưởng, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư đối với triển vọng của nền kinh tế và thị trường vốn Việt Nam.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (Blue-chip), đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc nhóm ngân hàng, tài chính, bất động sản và công nghiệp, tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt diễn biến của thị trường. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ ghi nhận sự phân hóa rõ nét; dòng tiền tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh, kết quả kinh doanh tích cực và triển vọng tăng trưởng bền vững, trong khi các cổ phiếu mang tính đầu cơ có diễn biến thận trọng hơn.

- Thị trường tài chính quốc tế

Trong 06 tháng đầu năm 2026, thị trường tài chính quốc tế tiếp tục chịu ảnh hưởng từ chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn, diễn biến lạm phát, tăng trưởng kinh tế toàn cầu và các yếu tố địa chính trị. Mặc dù môi trường kinh tế quốc tế vẫn còn nhiều biến động, tâm lý nhà đầu tư dần được cải thiện nhờ kỳ vọng vào quá trình hạ nhiệt lạm phát và tăng trưởng kinh tế ổn định tại nhiều nền kinh tế lớn.

Tại khu vực châu Á, tốc độ phục hồi giữa các nền kinh tế vẫn có sự khác biệt. Hoạt động xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng từng bước cải thiện, tuy nhiên những biến động về thương mại quốc tế và dòng vốn đầu tư vẫn là các yếu tố cần được theo dõi. Đối với Việt Nam, mặc dù nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì xu hướng bán ròng trong một số giai đoạn của kỳ báo cáo, dòng vốn trong nước vẫn đóng vai trò chủ đạo, góp phần duy trì sự ổn định và thanh khoản của thị trường chứng khoán.

h.2. Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

LOẠI TÀI SẢN	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG (%)	THU NHẬP ĐÓNG GÓP (VNĐ)
Cổ phiếu	58.399.531.100	88,5%	(1.232.850.400)
Công nghiệp	10.574.000.000	16,0%	(83.255.804)
Nông lâm thủy sản	-	-	(58.115.000)
Bất động sản	5.517.000.000	8,4%	(1.060.795.000)
Tài chính ngân hàng	37.505.531.100	56,8%	655.792.600
Thương mại, dịch vụ	4.803.000.000	7,3%	(686.477.196)
Trái phiếu	-	-	-
Tiền gửi & công cụ tiền tệ	7.611.349.459	11,5%	336.933.683
TỔNG CỘNG	66.010.880.559	100,0%	(895.916.717)

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách); không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ đông công ty đầu tư chứng khoán: không có;

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: Các bên liên quan với Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thành Công gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Nhà đầu tư
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công	Công ty quản lý Quỹ & Nhà đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ngân hàng giám sát Quỹ

Quỹ phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành công	
Phí dịch vụ quản lý Quỹ	(488.825.748)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	
Phí dịch vụ giám sát	(33.000.000)
Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở (bảo quản tài sản)	(90.000.000)
Phí dịch vụ quản trị quỹ	(99.000.000)
Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở (phí xử lý giao dịch)	(26.809.814)
Phí ngân hàng khác	(539.000)

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, TCGF đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 Quỹ không thay đổi Ngân hàng Giám sát.
- b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Quỹ TCGF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ TCGF tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc định giá, đánh giá tài sản ròng của Quỹ TCGF: đã phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Việc phát hành bổ sung và mua lại Chứng chỉ Quỹ: phù hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Quỹ đã thực hiện việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ:
 - + Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: Phát hành thêm 4.699.100,08 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị là 46.991.000.800 đồng.
 - + Mua lại chứng chỉ Quỹ: Quỹ mua lại 5.041.218,54 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị là 50.412.185.400 đồng.
- f) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Quỹ TCGF không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Tỷ lệ phí mà quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công (TCGF) đã chi trả trong 6 tháng năm 2026 cho các hoạt động của quỹ như sau:

- Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%): 1,49%
- Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%): 0,46%
- Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ (%): 0,5%
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%): 0,1%
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ / Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%): 0,09%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công không nhận thấy ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận của quỹ;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, ... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng

tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



VÕ TRUNG CƯỜNG

PHỤ LỤC A

Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ lần 3 tháng 4/2026 của Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi bổ sung
1	CĂN CỨ PHÁP LÝ 1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 3. Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/09/2025; 4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;	CĂN CỨ PHÁP LÝ 1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 2. Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính; 3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 4. Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/09/2025; 5. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 6. Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;	Cập nhật văn bản pháp lý cho phù hợp

	6. Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC; 7. Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013; 9. Các văn bản pháp lý có liên quan khác (được thay đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).	7. Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 8. Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 9. Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026; 10. Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021; 11. Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013; 12. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024; 13. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025; 14. Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư
--	--	--

		số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 15. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán; 16. Các văn bản pháp lý có liên quan khác (được thay đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).	
2	CÁC ĐỊNH NGHĨA Chưa quy định	CÁC ĐỊNH NGHĨA <i>Thêm mới:</i> “Mức phòng vệ thanh khoản”. Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.	Bổ sung căn cứ Thông 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
3	CÁC ĐỊNH NGHĨA “Giá mua lại”. Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ.	CÁC ĐỊNH NGHĨA <i>Sửa đổi thành:</i> “Giá mua lại”. Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.	Sửa đổi căn cứ Thông 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
4	CÁC ĐỊNH NGHĨA “Công ty quản lý quỹ” Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ TCAM), được thành lập theo Giấy phép số 01/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/01/2023 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). Công ty quản lý quỹ TCAM được ủy thác quản lý Quỹ TCGF, có quyền	CÁC ĐỊNH NGHĨA “Công ty quản lý quỹ” Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ TCAM), được thành lập theo Giấy phép số 01/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/01/2023 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305706456 cấp lần đầu ngày 13/05/2008, thay đổi lần thứ 6 do Sở tài chính cấp ngày 22/10/2025. Công ty quản lý quỹ TCAM được ủy thác quản lý Quỹ TCGF, có quyền và nghĩa vụ	Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất

	và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này	theo quy định tại Điều lệ này	Cập nhật địa chỉ của Ngân hàng giám sát
5	56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Cập nhật địa chỉ của Ngân hàng giám sát
6	Điều 9, điểm e khoản 3 “Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải áp dụng các điều kiện sau: - Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; - Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.”	Sửa đổi thành: “Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC.”	Sửa đổi căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
7	Điều 9, điểm f khoản 3 “Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.”	Sửa đổi thành: “Chứng khoán phát sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ”	Sửa đổi căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-

			BTC
8	Chưa quy định	Thêm mới: Điều 9, điểm g, h khoản 3 “g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ. h. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.”	Sửa đổi căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
9	Điều 9, “Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định của pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ mở.”	Sửa đổi thành: “Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.”	Sửa đổi căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
10	Chưa quy định	Thêm mới: Khoản 9 Điều 10 “9. Quỹ chỉ được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết, chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro khi Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định và đáp ứng đầy đủ các điều kiện, hạn mức đầu tư theo pháp luật.”	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
11	Điều 10, điểm d khoản 1	Sửa đổi thành:	Bổ sung căn cứ

	“Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh lợi bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền.”	“Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh lợi bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền.”	điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
12	Điều 10, điểm e khoản 1 “Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ.”	<i>Sửa đổi thành:</i> “Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán.”	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
13	Điều 10, điểm f khoản 1 “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ.”	<i>Sửa đổi thành:</i> “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, f và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ.”	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

14	Điều 10, điểm g khoản 1 “Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ”	<i>Sửa đổi thành:</i> “Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ”	Bổ sung căn cứ điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
15	Điều 13, Khoản 2 “Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán) , công ty quản lý quỹ phải bảo đảm: a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định thực hiện giao dịch; b. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ quyết định.”	<i>Sửa đổi thành:</i> “Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán) nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ), công ty quản lý quỹ phải bảo đảm: a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch; b. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ quyết định. 3. Công ty quản lý quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. 4. Đối với giao dịch bất động sản thực hiện theo quy định tại Điều 53 Thông tư 136/2025/TT-BTC.”	Bổ sung căn cứ điều 8 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

16	Điều 13,	<i>Thêm mới:</i> 3. Công ty quản lý quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. 4. Đối với giao dịch bất động sản thực hiện theo quy định tại Điều 53 Thông tư 136/2025/TT-BTC.	Bổ sung căn cứ điều 8 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC	
17	Điều 17, điểm e Khoản 5	“Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khách hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư”	Sửa đổi thành: “Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khách hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư”	Bổ sung căn cứ điều 13 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
18	Điều 17, điểm d Khoản 6	“Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được làm tròn tới hàng đơn vị. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền bán chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư chịu.”	Sửa đổi thành: “Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được làm tròn tới hàng đơn vị. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền bán chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư chịu.”	Bổ sung căn cứ điều 14 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC

19	Điều 18 “Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ 1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi một trong các trường hợp sau xảy ra: a. Tổng giá trị của các lệnh bán (bao gồm cả lệnh chuyển đổi) trừ đi tổng giá trị của tất cả các lệnh mua (bao gồm cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới: - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. 2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, công ty quản lý quỹ được áp dụng một trong hai nguyên tắc sau: a. Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển đổi đại lý phân phối trước được thực hiện trước;	Sửa đổi thành: “Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, mức phòng vệ thanh khoản 1a. Trường hợp Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định, công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. 1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của quỹ; b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới: - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. 2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, công ty quản lý quỹ được áp dụng một trong hai nguyên tắc sau: a. Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển đổi đại lý phân phối trước được thực hiện trước;	Sửa đổi căn cứ điều 15 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
----	--	--	--

	ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. c. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của nhà đầu tư không thể thực hiện được do: - Tính thanh khoản của thị trường thấp; - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán. 2. Việc thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh mới.	b. Nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. 3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch có quy định, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. 4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau: a. Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; b. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán; c. Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết; d. 1 Công ty quản lý quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư của quỹ chỉ số nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu đã vượt quá mức sai lệch tối đa được quy định tại Điều lệ quỹ. 5. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt. 6. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này, không quá 30 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này. 7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch
--	---	---

	Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, quy định về số dư chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản sẽ không áp dụng. 3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. 4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau: a. Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc b. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch chứng khoán; hoặc c. Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết. 5. Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trong thời gian	chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. 8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư. 9. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau: a. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho từng quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ. b. Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối. c. Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ
--	---	---

	sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt. 6. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. 7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. 8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn đến việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.”	thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. d. Công ty quản lý quỹ phải dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt. e. Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về việc áp dụng, dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của công ty quản lý quỹ.	
20	Điều 19 Khoản 3 “Giá mua lại một đơn vị quỹ, là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá	Sửa đổi thành: “Giá mua lại một đơn vị quỹ, là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá trị (nếu có), được	Sửa đổi và bổ sung căn cứ điều 16 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành

	dịch vụ mua lại (nếu có), được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.”	quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.” Và thêm mới điểm 9 trong khoản 3 Điều 19: “Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.”	ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
21	Điều 22. Đại hội nhà đầu tư 4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ	<i>Sửa đổi thành:</i> 4. Đại hội nhà đầu tư thường niên của Quỹ không bắt buộc phải tổ chức. Trường hợp có tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên thì Đại hội Nhà đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ	Sửa đổi và bổ sung căn cứ điều 5 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của 98/2020/TT-BTC
22	Điều 56 Điểm 3 “Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được xác định theo ngày giao dịch, đảm bảo tối thiểu một lần trong một tuần và hàng tháng. Các giá trị tài sản ròng này phải được công bố công khai theo quy định pháp luật về	<i>Sửa đổi thành:</i> “Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được xác định theo ngày giao dịch, đảm bảo tối thiểu một lần trong một tuần và hàng tháng. Các giá trị tài sản ròng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát.	Sửa đổi căn cứ điều 7 Thông tư 136/2025/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi bổ sung

	công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của ngân hàng giám sát. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.”			Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.”			một số điều của 98/2020/TT-BTC		
23	PHỤ LỤC 4 – PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ			PHỤ LỤC 4 – PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ			Căn cứ Phụ lục XIV “Phương pháp xác định giá trị tài sản” kèm theo của Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025		
A.							Giá trị tài sản ròng		
STT		Loại tài sản		Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường					
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ									
1		Tiền (VND)		Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.					
2		Ngoại tệ		Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tại ngày trước ngày định giá.					
3		Tiền gửi kỳ hạn		Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.					
4		Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác		Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.					

		định giá.		5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.			
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.			
Trái phiếu					
6	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán				- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, hoặc giá thị trường có biến động bất thường vượt quá +/- 0,3% so với giá mua bình quân gia quyền của trái phiếu đó, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Trái phiếu					
6	Trái phiếu	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch			

		Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.			thuận.
Cổ phiếu					
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày			
9	Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển nhượng, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch.				Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch				Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản				Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác				Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá

	hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc
		Giá xác định theo phương pháp Ban đại diện quỹ chấp thuận.
		giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ TCGF.
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
		Chứng khoán phái sinh
16	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày

			hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đảo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá	
17			Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
			Chứng quyền có bảo đảm	
18			Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc

Chứng chỉ quỹ

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ đó, hoặc của Sở giao

- Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

[illegible]

17	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá
----	---

Chúng quyền có bảo đảm

hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đảo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá

Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - + Giá trị sổ sách; hoặc
 - + Giá mua; hoặc

	Ngày được hiểu là ngày theo lịch.						B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh
1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế. 2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng: - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ; - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ; - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.							
STT		Loại tài sản	Giá trị cam kết				
1.		Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn+1 điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²				

Các tài sản khác		
15	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất – trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá cho mỗi loại tài sản được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía dưới được đánh giá là thích hợp hơn để áp dụng trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, công ty quản lý quỹ phải xin phê duyệt của Ban đại diện quỹ.
- Lãi lũy kế là: Khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo

	cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét. ▪ Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành. ▪ Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo; Ngày được hiểu là ngày theo lịch.		
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta	
3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại	
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao	
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ/Hội	

			đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận	
			¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium). ² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận ³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).	